

UBND PHƯỜNG AN BIÊN

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước 9 tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1,031,650	341,198	1,336,392	130%	103%
I	Thu nội địa	1,031,650	341,198	1,336,392	130%	103%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	379,629	152,915	588,546	155%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	378,549	102,829	410,200	108%	1461%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	345,465	94,462	389,937	113%	10522%
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	33,084	8,367	20,263	61%	83%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1,080	50,087	135,617	12557%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1,080	50,087	135,617	12557%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư			1,639		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			41,090		
C	TỔNG CHI NSDP	379,629	170,534	405,054	107%	114%
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	379,629	104,487	265,395	70%	100%
1	Chi đầu tư phát triển	1,800	11,785	15,022	835%	
2	Chi thường xuyên	370,385	92,701	250,373	68%	105%
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	7,444				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTP cho NSDP		66,047	139,659		198%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện 3 Quý so	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1,031,650.00	341,197.80	1,336,392.07	130%	103%
I	Thu nội địa	1,031,650.00	341,197.80	1,336,392.07	130%	103%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	41,620.00	17,812.05	74,728.07	180%	1001%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	33,565.00	11,474.47	128,053.46	382%	346%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	556,935.00	168,267.34	601,480.69	108%	409%
4	Thuế thu nhập cá nhân	192,655.00	33,425.04	156,090.30	81%	284%
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	104,490.00	37,245.17	100,935.67	97%	271%
	Trong đó: Lệ phí trước bạ	85,000.00	20,889.79	64,334.82	76%	227%
7	Các khoản thu về nhà, đất	44,545.00	67,904.82	258,708.08	581%	26%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11,995.00	4,884.99	7,817.86	65%	79%
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	23,550.00	9,006.17	27,658.68	117%	1265%
-	Thu tiền sử dụng đất	9,000.00	54,013.66	223,231.53	2480%	23%
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số		5.00	13.02		1%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			314.34		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	56,895.00	0.00	5,738.44	10%	
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế	50,000.00		5,738.44	11%	
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	6,895.00			0%	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	945.00	5,063.92	10,330.01	1093%	62%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0.00	0.00	0.00		
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTDB và các khoản thu khác	0.00	-4,504.48	-13,220.51		
1	Thuế GTGT		-4,504.48	-13,220.51		
2	Thuế TTDB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	378,549.00	102,828.57	410,199.92	108%	1461%
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	345,465.00	94,461.55	389,936.94	113%	10522%
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	33,084.00	8,367.02	20,262.98	61%	83%

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện 3 Quý so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CHI NSDP	379,629.00	138,594.26	335,810.42	88%	114%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	379,629.00	92,701.23	252,172.88	66%	100%
I	Chi đầu tư phát triển	1,800.00	0.00	1,800.00	100%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	370,385.00	91,983.87	239,822.70	65%	105%
	Trong đó:					
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	213,350.00	61,848.94	167,764.16	79%	96%
-	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	390.00	111.00	141.00	36%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	7,444.00				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế		717.36	10,550.18		46%
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0.00	45,893.03	83,637.54		198%
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách		45,893.03	83,637.54		198%
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					